

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2011**

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 – 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Thạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Trần Quang Đường	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Thạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Văn Thạnh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hưng Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

Số: /Deloitte- AUDHN-RE

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 22 tháng 7 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

---

**Phạm Nam Phong**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>926,019,334,655</b>	<b>1,335,467,535,482</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>143,360,520,613</b>	<b>226,782,408,392</b>
1. Tiền	111		31,441,458,570	79,300,277,271
2. Các khoản tương đương tiền	112		111,919,062,043	147,482,131,121
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>56,000,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	56,000,000,000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>276,920,392,544</b>	<b>91,091,376,747</b>
1. Phải thu khách hàng	131		269,770,831,752	80,416,253,361
2. Trả trước cho người bán	132		19,197,372,094	21,586,525,804
3. Các khoản phải thu khác	135		595,920,111	2,096,800,996
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12,643,731,413)	(13,008,203,414)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>483,900,359,377</b>	<b>861,125,626,132</b>
1. Hàng tồn kho	141		483,900,359,377	861,125,626,132
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21,838,062,121</b>	<b>100,468,124,211</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21,376,217,972	58,259,308,715
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	461,844,149	42,208,815,496
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>330,132,805,239</b>	<b>322,387,316,126</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>105,441,283,345</b>	<b>121,408,258,727</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	104,169,808,073	121,387,849,636
- Nguyên giá	222		341,267,954,877	340,375,555,786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237,098,146,804)	(218,987,706,150)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1,271,475,272	20,409,091
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200,070,000,000</b>	<b>200,410,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	199,410,000,000	199,410,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	1,000,000,000	1,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(340,000,000)	-
<b>III- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24,621,521,894</b>	<b>569,057,399</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	24,409,212,121	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	212,309,773	569,057,399
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,256,152,139,894</b>	<b>1,657,854,851,608</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>670,994,485,200</b>	<b>1,076,453,532,787</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>670,256,005,248</b>	<b>1,071,169,197,535</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	431,689,156,710	528,735,795,232
2. Phải trả người bán	312		161,501,233,713	465,171,748,580
3. Người mua trả tiền trước	313		8,468,577,281	11,359,076,866
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	20,096,647,808	30,003,637,921
5. Phải trả người lao động	315		4,342,836,881	7,505,186,727
6. Chi phí phải trả	316		8,629,072,747	5,872,976,913
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6,692,292,514	3,938,059,769
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		28,836,187,594	18,582,715,527
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>738,479,952</b>	<b>5,284,335,252</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	4,496,208,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		738,479,952	788,127,252
<b>B- NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>585,157,654,694</b>	<b>581,401,318,821</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>585,157,654,694</b>	<b>581,401,318,821</b>
1. Vốn điều lệ	411	15	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	363,790,000	363,790,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	15	8,835,568,717	8,835,568,717
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	130,092,933,471	110,092,933,471
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	25,909,026,633	20,493,632,270
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	119,956,335,873	141,615,394,363
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,256,152,139,894</b>	<b>1,657,854,851,608</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	30/06/2011	31/12/2010
1. Vật tư, hàng hoá nhận gia công	-	19,282,595,200

Hưng Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MÃ SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>16</b>	<b>1,984,810,826,356</b>	<b>1,472,029,830,257</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	16,727,606,580	10,058,105,180
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1,968,083,219,776</b>	<b>1,461,971,725,077</b>
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	1,790,086,869,434	1,351,611,455,839
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>177,996,350,342</b>	<b>110,360,269,238</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	7,095,169,028	8,623,790,924
7 Chi phí tài chính	22	19	35,607,521,399	26,173,850,592
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34,088,788,482	17,916,205,685
8 Chi phí bán hàng	24		19,636,442,659	11,776,911,391
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,461,771,966	12,866,184,707
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>119,385,783,346</b>	<b>68,167,113,472</b>
11 Thu nhập khác	31		70,993,182	54,908,784
12 Chi phí khác	32		298,273,088	-
<b>13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(227,279,906)</b>	<b>54,908,784</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>119,158,503,440</b>	<b>68,222,022,256</b>
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	30,045,419,941	18,105,362,824
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	356,747,626	(387,357,694)
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>88,756,335,873</b>	<b>50,504,017,126</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	2,959	2,013

Hưng Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MÃ SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>119,158,503,440</b>	<b>68,222,022,256</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17,817,167,842	17,511,619,051
- Các khoản dự phòng	03	(24,472,001)	5,943,552,054
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(473,225,302)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6,889,796,569)	(8,087,491,822)
- Chi phí lãi vay	06	34,088,788,482	17,916,205,685
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>164,150,191,194</b>	<b>101,032,681,922</b>
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(148,506,175,017)	(60,957,375,438)
- Giảm hàng tồn kho	10	377,189,766,755	40,359,910,694
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(316,422,624,887)	(21,648,382,843)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(24,409,212,121)	(774,357,786)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(34,970,758,211)	(17,095,888,297)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29,311,788,582)	(15,734,196,996)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	41,987,966,399	40,091,216
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14,769,528,209)	(12,202,438,941)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14,937,837,321</b>	<b>13,020,043,531</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(949,965,272)	(9,836,122,359)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10,000,000,000)
3. Tiền thu hồi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn	26	56,000,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,889,796,569	8,087,491,822
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>61,939,831,297</b>	<b>(11,748,630,537)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	150,231,850,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	939,845,095,406	913,942,702,226
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,041,387,941,928)	(912,501,758,774)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(58,756,709,875)	(75,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(160,299,556,397)</b>	<b>76,672,793,452</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(83,421,887,779)</b>	<b>77,944,206,446</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>226,782,408,392</b>	<b>180,125,491,523</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>143,360,520,613</b>	<b>258,069,697,969</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011*

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền khoảng 1,2 tỷ đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả trong kỳ.

*Hưng Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Đặng Thị Tuyết Dung**

**Nguyễn Hoàng Ngân**

**Trần Văn Thạnh**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) thành Công ty Cổ phần.

Ngày 18 tháng 3 năm 2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 10 với số vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 430 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 420 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt-Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ  $\phi 6$  -  $\phi 8$  và thép thanh từ D10 đến D40.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo giá gốc.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Kỳ hoạt động từ ngày**  
**01/01/2011 đến ngày 30/6/2011**  
**(Số năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	4
Phương tiện vận tải	8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1,663,736,492	1,187,115,715
Tiền gửi ngân hàng	29,777,722,078	78,113,161,556
Các khoản tương đương tiền (*)	111,919,062,043	147,482,131,121
	<b>143,360,520,613</b>	<b>226,782,408,392</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	235,965,343,795	627,687,554,244
Công cụ, dụng cụ	680,558,799	474,356,368
Thành phẩm	247,254,456,783	232,464,372,659
Hàng gửi đi bán	-	499,342,861
<b>Cộng</b>	<b>483,900,359,377</b>	<b>861,125,626,132</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>483,900,359,377</b>	<b>861,125,626,132</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	369,979,870	217,978,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	91,864,279	41,990,837,496
	<b>461,844,149</b>	<b>42,208,815,496</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà xưởng, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>59,473,520,709</b>	<b>262,017,057,111</b>	<b>17,915,427,138</b>	<b>969,550,828</b>	<b>340,375,555,786</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>892,399,091</b>	-	-	<b>892,399,091</b>
Mua trong kỳ	-	856,899,091	-	-	856,899,091
Tăng khác	-	35,500,000	-	-	35,500,000
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>59,473,520,709</b>	<b>262,909,456,202</b>	<b>17,915,427,138</b>	<b>969,550,828</b>	<b>341,267,954,877</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>37,976,938,773</b>	<b>173,321,819,742</b>	<b>7,458,999,122</b>	<b>229,948,513</b>	<b>218,987,706,150</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>1,629,334,219</b>	<b>15,307,817,112</b>	<b>1,059,251,194</b>	<b>114,038,129</b>	<b>18,110,440,654</b>
Khấu hao trong kỳ	1,629,334,219	15,307,817,112	1,059,251,194	114,038,129	18,110,440,654
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>39,606,272,992</b>	<b>188,629,636,854</b>	<b>8,518,250,316</b>	<b>343,986,642</b>	<b>237,098,146,804</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>19,867,247,717</b>	<b>74,279,819,348</b>	<b>9,397,176,822</b>	<b>625,564,186</b>	<b>104,169,808,073</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>21,496,581,936</b>	<b>88,695,237,369</b>	<b>10,456,428,016</b>	<b>739,602,315</b>	<b>121,387,849,636</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.775.088.851 đồng (31/12/2010: 8.951.549.532 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2011	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	Hải Phòng	42,79%	199.410.000.000	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 và chia cổ tức với tỷ lệ 3%. Theo đó, cổ tức Công ty sẽ nhận được là 5.737.500.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, do chưa nhận được thông báo chính thức về việc chia cổ tức nên Công ty chưa phản ánh khoản cổ tức này vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng tại Tòa nhà HH4 Mỹ Đình	24,409,212,121	-
	<u>24,409,212,121</u>	<u>-</u>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Phố Nối	38,783,467,500	46,845,550,669
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hải Dương	115,099,920,270	135,361,464,655
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Hưng Yên	216,999,243,880	258,974,139,995
Ngân hàng TMCP An Bình		-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Hà Nội	60,806,525,060	55,980,090,664
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	<b>31,574,549,249</b>
	<u>431,689,156,710</u>	<u>528,735,795,232</u>

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyên đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	4,629,258,250	11,516,154,495
Thuế xuất, nhập khẩu	3,519,072,171	6,296,627,524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11,936,159,132	11,202,527,773
Thuế thu nhập cá nhân	997,916	977,167,790
Các loại thuế khác	9,363,539	9,363,539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1,796,800	1,796,800
	<b>20,096,647,808</b>	<b>30,003,637,921</b>

**14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	<b>Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác</b>	<b>Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>254.771.728</b>	<b>314.285.671</b>	<b>569.057.399</b>
Kết chuyển sang lợi nhuận kinh doanh trong kỳ	(42.461.955)	(314.285.671)	(356.747.626)
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>212.309.773</b>	<b>-</b>	<b>212.309.773</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>131,940,000</b>	<b>5,612,240,837</b>	<b>32,162,866,369</b>	<b>9,222,400,955</b>	<b>238,315,872,643</b>
Phát hành cổ phiếu thường	75,000,000,000	-	-	-	-	(75,000,000,000)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	75,000,000,000	231,850,000	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2009	-	-	-	81,153,394,982	11,271,231,315	(132,115,872,643)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	110,415,394,363
Mua sắm TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển	-	-	3,223,327,880	(3,223,327,880)	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>363,790,000</b>	<b>8,835,568,717</b>	<b>110,092,933,471</b>	<b>20,493,632,270</b>	<b>141,615,394,363</b>
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2010	-	-	-	20,000,000,000	5,415,394,363	(110,415,394,363)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	88,756,335,873
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>363,790,000</b>	<b>8,835,568,717</b>	<b>130,092,933,471</b>	<b>25,909,026,633</b>	<b>119,956,335,873</b>

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b. Trích lập các quỹ và chia cổ tức**

Ngày 08 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền</u> <u>VND</u>
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,415,394,363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,000,000,000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,000,000,000
<b>Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b><u>50,415,394,363</u></b>
Chia cổ tức tỷ lệ 20%	60,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>110,415,394,363</u></b>
Số cổ tức đã chi trong kỳ	58,756,709,875
Số cổ tức còn phải trả tại ngày 30/6/2011	<b><u>1,243,290,125</u></b>

**c. Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
<i>Cổ phiếu thường</i>	30,000,000	30,000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**16. DOANH THU**

	<u>Cho kỳ hoạt động</u> <u>từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/6/2011</u> <u>VND</u>	<u>Cho kỳ hoạt động</u> <u>từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/6/2010</u> <u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	1,982,770,078,712	1,471,908,849,257
Doanh thu hoạt động gia công	2,040,747,644	120,981,000
	<b><u>1,984,810,826,356</u></b>	<b><u>1,472,029,830,257</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	16,727,606,580	9,741,555,180
Hàng bán bị trả lại	-	316,550,000
	<b><u>16,727,606,580</u></b>	<b><u>10,058,105,180</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Cho kỳ hoạt động</u> <u>từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/6/2011</u> <u>VND</u>	<u>Cho kỳ hoạt động</u> <u>từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/6/2010</u> <u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,789,086,209,918	1,351,552,134,056
Giá vốn của hoạt động gia công	1,000,659,516	59,321,783
	<b><u>1,790,086,869,434</u></b>	<b><u>1,351,611,455,839</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,889,796,569	8,087,491,822
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	205,372,459	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	536,299,102
	<b>7,095,169,028</b>	<b>8,623,790,924</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	34,088,788,482	17,916,205,685
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	485,996,138	5,615,779,297
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	63,073,800
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	340,000,000	-
Chi phí tài chính khác	692,736,779	2,578,791,810
	<b>35,607,521,399</b>	<b>26,173,850,592</b>

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>119,158,503,440</b>	<b>68,222,022,256</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,023,176,325	4,199,429,039
	<b>120,181,679,765</b>	<b>72,421,451,295</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>		
Thuế suất thông thường	25%	25.0%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	30,045,419,941	18,105,362,824
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	356,747,626	(387,357,694)
<b>Cộng</b>	<b>30,402,167,567</b>	<b>17,718,005,130</b>

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88,756,335,873	50,504,017,126
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30,000,000	25,083,333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	2,959	2,013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác số tiền khoảng 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan và khả năng trả nợ của đối tác.

**23. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 08 tháng 4 năm 2011, Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư nâng cao công suất nhà máy sản xuất thép lên 450.000 tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 903.632 triệu đồng.

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	336,678,788	-
Chi phí thuê hoạt động thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tầng 8 và tầng 9 Tòa nhà HH4 Mỹ Đình theo hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS ngày 18 tháng 01 năm 2010 giữa Tập đoàn Sông Đà và Công ty. Thời gian thuê là 50 năm trừ đi thời gian xây dựng Tòa nhà. Tổng giá tiền thuê là 38.886.400.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thanh toán cho Tập đoàn Sông Đà số tiền là 27.220.480.000 đồng, tương đương với 70% giá trị hợp đồng.		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Sông Đà 5	31,125,389,720	37,316,755,520
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	13,689,900	633,046,490
Công ty Sông Đà 7	32,987,155,610	39,663,087,730
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	-	963,466,140
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	25,140,434,581	7,060,551,159
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Công ty Sông Đà 6	11,093,359,550	4,483,998,692
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	-	7,580,571,671
Chi nhánh Công ty Sông Đà 9.08	4,223,895,930	3,610,866,060
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	-	1,944,996,900
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Công ty Sông Đà 6	5,561,509,450	1,743,054,800
Công ty Sông Đà 8	5,075,867,310	13,635,990
Xí nghiệp Sông Đà 6.01	7,889,616,490	6,402,132,900
Xí nghiệp Sông Đà 10.7 (Xekaman 3)	23,073,730,750	-
Các bên liên quan khác	4,509,438,520	4,652,379,362
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	619,725,134,300	336,094,497,589
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9	-	979,363,636
Bên liên quan khác	7,000,000	8,719,809
<b>Góp vốn đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	-	10,000,000,000

Chính sách giá với các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát, có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan:**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Sông Đà 7	15,669,972,768	7,599,043,597
Công ty Sông Đà 5	18,233,328,086	5,537,592,394
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	-	508,144,715
Xí nghiệp Sông Đà 10.7 (Xekaman 3)	6,004,714,482	-
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Công ty Sông Đà 6	3,427,327,974	4,333,968,424
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	2,609,750,182	606,005,389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	1,545,139,728	3,007,730
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	5,173,506,179	3,396,247,623
Công ty Cổ phần Thương mại và Vật tư Sông Đà	283,869,896	283,869,896
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.5	2,869,622,935	3,369,622,935
Xí nghiệp Sông Đà 6.01	4,004,463,916	1,995,762,168
Xí nghiệp Sông Đà 10.3 - Công ty Sông Đà 10	1,645,969,592	188,722,933
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	265,666,126	265,666,126
Công ty Sông Đà 8	1,384,624,909	-
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Công ty Sông Đà 6	946,493,020	-
Các bên liên quan khác	1,220,078,953	414,486,647
<b>Trả trước cho người bán</b>		-
Tập đoàn Sông Đà	-	8,000,000,000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	-	265,666,126
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Sông Đà 12	773,124,761	773,124,761
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	9,965,234,586	286,789,090,186
Các bên liên quan khác	334,110,835	417,494,377

**Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	919,117,652	616,854,611

*Hưng Yên, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Đặng Thị Tuyết Dung**

**Nguyễn Hoàng Ngân**

**Trần Văn Thạnh**